

Số: /QĐ-UBND

Sảng Mộc, ngày tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
năm 2024 xã Sảng Mộc

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SẢNG MỘC

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Quyết định số 3309 / QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Võ Nhai về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Võ Nhai năm 2024 ;

Căn cứ Nghị quyết số: 84 -NQ/ĐU ngày 20/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Sảng Mộc về nghị quyết hội nghị lần thứ 32, BCH Đảng bộ xã khóa XXII về mục tiêu, nhiệm vụ công tác năm 2024 xã Sảng Mộc;

Căn cứ Nghị quyết số 41 /NQ-HĐND, ngày 29 /12/2022 của HĐND xã Sảng Mộc về kết quả thực hiện nhiệm vụ mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2023 và phương hướng thực hiện nhiệm vụ mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2024.

Xét đề nghị của Văn phòng HĐND & UBND xã Sảng Mộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024 cho các đơn vị, các cơ sở xóm xã Sảng Mộc cụ thể như sau:

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Các đơn vị, các ông bà trưởng xóm, cán bộ chuyên môn căn cứ nội dung quyết định này tổ chức thực hiện nhiệm vụ mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

Điều 3. Văn phòng HĐND - UBND, các đơn vị, các xóm và cán bộ, công chức chuyên môn xã Sảng Mộc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- Như điều 3;
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Mai Duy Yến

CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2024 XÃ SẴNG MỘC

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2024 của UBND xã Sảng Mộc)

TT		Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Chia theo các xóm							
				Nghinh Tác	Nà Ca	Khuổi Mèo	Bản Chương	Bản Châu	Nà Lay	Khuổi Chạo	Tân Lập
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ										
I	Sản xuất nông, lâm nghiệp	ha	30								
1	Giá trị sản phẩm/ 1ha đất trồng trọt (theo giá thực tế)	Tr.đ/ha	60								
3	Diện tích, sản lượng một số cây trồng vật nuôi chủ yếu										
3.1	Trồng trọt										
-	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	1500								
	+ Thóc	Tấn	800	130	150	40	168	122	65	65	60
	+ Ngô	Tấn	700	120	100	105	107	60	58	85	80
-	Sản lượng chè búp tươi	Tấn	20		15		15	10			
-	Sản lượng rau đậu các loại (cả năm)	Tấn	300	38	37	35	45	34	36	38	37

1	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	100								
-	Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	Người	55								
-	Mức giảm tỷ suất sinh thô	‰	0,2								
-	Tỷ lệ suy dinh dưỡng tính theo cân nặng của trẻ dưới 5 tuổi	%	12,8								
2	Cai nghiện ma túy; Trong đó										
-	Cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện tỉnh										
-	Cai nghiện tự nguyện tại gia đình và các cơ sở cai nghiện										
3	Giảm nghèo	%	14,54								
4	Gia đình văn hóa	%	85								
5	Sử dụng điện lưới quốc gia	%	100								
6	Lao động qua đào tạo	người	70								
7	Làng văn hóa	%	100								
8	Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia		1								
9	Trường đạt chuẩn quốc gia		1								
10	Tỷ lệ học sinh đến lớp	%	100								
11	Xây dựng NTM	Tiêu chí	2								